

WEEK 07- Grade 6

UNIT 3: FRIENDS

Period: 21

Lesson 1 (page 22)

I. VOCABULARY:

Number	Words	Form	Meanings
1)	long	adj	dài
2)	short	adj	ngắn / thấp
3)	tall	adj	cao
4)	slim	adj	mảnh mai, thon thả (vóc dáng)
5)	blond	adj	học vàng(tóc)
6)	blue	adj	màu xanh biển
7)	brown	adj	màu nâu
8)	red	adj	màu đỏ
9)	green	adj	màu xanh lá cây
10)	glasses	n	mắt kính
11)	striped → a striped T-shirt	adj n	có kẻ sọc áo thun có kẻ sọc
12)	See you soon	(exp.)	Hẹn gặp bạn sớm nhé
13)	Talk to you later	Exp.	Để nói với bạn sau nhé

II. STRUCTURES:

Describe a person's appearance (miêu tả người)

E.g. - I am **tall** and **slim**

- I have **long black** hair.

- Mai is **slim** and has **long blond hair**.

- John is **tall** and **has blue eyes**.

- Minh has **short blond** hair.

→ Minh's hair **is short and blond**.

Note: adj (tính từ) đứng trước danh từ và sau “be”

*** EXERCISES**

I/ Rearrange the phrases to make meaningful sentences:

1. Lien's sister / long black hair / and has / is slim.
→Lien's sister _____
2. Peter / has blue eyes / and / is tall.
→Peter _____
3. blond hair / and / Does / black eyes / Mary have?
→Does _____ ?

II/. Rewrite

1. Nam has short black hair.
Nam's hair is _____
2. My sister's eyes are big and brown.
My sister has _____
3. His mother has long black hair.
His mother's _____
4. Does she have blue eyes?
Are her _____ ?

III/ Homework :

- Learn Vocabulary and structures by heart.
- Prepare the next lesson on page 23